

Quan hệ Mỹ - Trung: phức tạp bởi “chiến lược đánh vu hồi”

Dường như Trung Quốc đang sử dụng chiến lược cổ có tên là “chiến lược đánh vu hồi”, một kế sách trong “*Binh pháp Tôn Tử*” bắt nguồn từ Kinh Dịch để hắt cẳng Mỹ khỏi khu vực. Trong bối cảnh đó, Washington cần có chiến lược đối phó như thế nào?



Tại sao trong thời gian gần đây Chính phủ Trung Quốc, đặc biệt là Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) ngày càng trở nên hiếu chiến, tự tin và cương quyết hơn trong việc xử lý mối quan hệ của quốc gia này với Mỹ và các đồng minh của Mỹ? Câu trả lời có lẽ nằm trong một chiến lược cổ của Trung Quốc có tên là “chiến lược đánh vu hồi”, rút ra từ “” 36 kế *Binh pháp Tôn Tử*” bắt nguồn từ Kinh Dịch. Kế sách này đã được Mao Trạch Đông vận dụng trong tư duy chiến lược của mình, và gần đây truyền thông Trung Quốc đã thảo luận về chiến lược này, vì nó đã làm cho Nhật Bản phải khổ sở trong việc tranh chấp Quần đảo Senkaku/Điếu Ngư. Việc sử dụng chiến lược này cho thấy Bắc Kinh đã đẩy quan hệ Trung – Mỹ đi đến chỗ đối kháng, khi Đảng Cộng Sản Trung Quốc (CCP) tìm mọi biện pháp làm giảm ảnh hưởng của Washington ở Châu Á.

Thứ nhất “chiến lược đánh vu hồi” giúp Trung Quốc làm rối loạn các đánh giá của đối phương; thứ hai, tạo ra và thúc đẩy các cuộc xung đột chính trị nội bộ bên trong đối phương; thứ ba, khoét sâu vào những xung đột nội bộ đang tồn tại trong đối phương trước khi tiến hành một cuộc tấn công. Tuy nhiên, mục tiêu của cuộc “tấn công” này không nhất thiết là CCP/PLA (Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quân đội Giải phóng Nhân dân) sẵn sàng sử dụng sức mạnh quân sự để chống lại Mỹ trong tương lai gần; mà Bắc Kinh đang tận dụng

mọi ưu thế, gây sức ép với Mỹ để thay đổi cân cân lực lượng giữa hai quốc gia này. Từ đó cho thấy, Trung Quốc đang thực hiện cả ba bước trong chiến lược.

Bắc Kinh cho rằng Mỹ vừa là mối đe dọa lớn nhất tới an ninh quốc gia của Trung Quốc, vừa là một cường quốc đang suy giảm. Theo tướng Zhang Qinsheng, Phó tổng tham mưu trưởng Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc (PLA) những thách thức chủ yếu của Trung Quốc là các mối đe dọa đến chủ quyền và tính chính danh của quốc gia này, cũng như chủ nghĩa ly khai. Hồ Cẩm Đào đã cảnh báo về những nỗ lực của bá quyền nhằm thúc đẩy các phong trào ly khai và xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc. Trong khi, Tập Cận Bình quyết tâm đưa Trung Quốc tiến lên “Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc” với tư duy chiến lược của Mao với trọng tâm – một cuộc đấu tranh chống bá quyền bằng cách thống nhất các nước thế giới thứ ba.

Quan điểm về việc Mỹ đang suy giảm xuất hiện từ năm 2001. Theo truyền thông Trung Quốc như Tân Hoa xã và Nhân dân Nhật Báo, “Sự đi xuống của Mỹ không còn là dự đoán vô căn cứ.” Các báo này cho rằng sức mạnh của Mỹ sẽ tiếp tục suy giảm và Mỹ chắc sẽ không thể dựa vào bá quyền của mình.” Truyền thông Trung Quốc đã nghiên cứu các nguyên nhân khiến Mỹ đi xuống, khả năng đánh đổ bá quyền Mỹ, và tìm cách để Trung Quốc đạt được vị thế siêu cường.

Để triển khai hiệu quả “chiến lược đánh vu hồi”, Trung Quốc phải hoàn thành những tiền đề nhất định – đạt được sự ổn định nội bộ, cùng với sức mạnh kinh tế, chính trị và quân sự - trước khi cạnh tranh với các cường quốc khác. Từ khi Đặng Tiểu Bình mở cửa Trung Quốc, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đạt được những bước tiến lớn trong việc xây dựng sức mạnh quốc gia thông qua tăng trưởng kinh tế và hiện đại hóa quân đội. Đến năm 2015, Trung Quốc sẽ hoàn thành kế hoạch Năm năm lần thứ 12 của mình. Tận dụng tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 11% trong giai đoạn 2006-2010, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tăng cường số tài sản quốc gia, sản xuất nông nghiệp, và cấp tiền cho những phát minh về công nghệ vũ trụ, siêu máy tính, các hệ thống vũ khí và đường sắt cao tốc.

Sức mạnh kinh tế và quân sự ngày càng tăng đã củng cố nhân định của Bắc Kinh rằng Trung Quốc đã đạt được vị thế nước lớn và đáp ứng đủ những tiền đề để triển khai “chiến lược đánh vu hồi”. Nhận thức về việc Trung Quốc đang nổi lên thành một siêu cường bắt đầu xuất hiện từ những năm 2000. Truyền thông Trung Quốc, như Tân Hoa xã, coi việc sở hữu tàu sân bay như một biểu tượng của vị thế siêu cường, trong khi những người khác cho rằng sức mạnh kinh tế, chính trị, quân sự vững mạnh mới đem lại vị thế siêu cường cho một quốc gia. Vào tháng 9 năm 2012, tàu sân bay đầu tiên của Trung Quốc đã được đưa vào hoạt

động, và Bắc Kinh muốn phá vỡ “một trụ cột tạo nên vị thế siêu cường của Mỹ” bằng việc trở thành nền kinh tế đứng đầu thế giới.

Bước đầu tiên trong “chiến lược đánh vu hồi” có thể được tiến hành: làm đối phương rối loạn trong việc đánh giá tình hình. Washington gần đây liên tiếp bị bất ngờ trước sự phát triển nhanh chóng của Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc. Các nhà hoạch định chính sách có xu hướng chỉ dựa vào những số liệu công khai để đánh giá mà không thực sự hiểu được tư duy chiến lược của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Theo một bản báo cáo gửi đến Ủy ban Đánh giá Quan hệ An ninh và Kinh Tế Mỹ – Trung năm 2012, chính phủ Mỹ và hầu hết các nhà phân tích đã bỏ qua tầm quan trọng của các tàu ngầm tấn công và máy bay tàng hình mới của Trung Quốc cũng như hệ thống tên lửa chống vệ tinh và tên lửa tiêu diệt tàu sân bay của nước này. Hậu quả từ việc không biết rõ tiềm lực của đối phương có thể dẫn đến những tính toán sai lầm và thất bại trong hoạch định chiến lược.

Bước thứ hai trong “chiến lược đánh vu hồi” là tìm cách thúc đẩy những xung đột chính trị nội bộ của đối phương. Bằng chứng của điều này là sự chia rẽ giữa cộng đồng doanh nghiệp và cộng đồng an ninh của Mỹ. Bất chấp những rào cản pháp lý và ngại về an ninh, các công ty Mỹ tiếp tục đầu tư vào Trung Quốc và xóa bỏ những ưu đãi cho nước này để Bắc Kinh thúc đẩy một môi trường kinh doanh tốt hơn cho các công ty nước ngoài. Hơn nữa, 89% công ty Mỹ hoạt động có lợi nhuận tại Trung Quốc năm 2011 đã buộc Mỹ phải nói dối với Bắc Kinh để bảo vệ lợi ích của mình. Trung Quốc cũng hưởng lợi từ sự tham gia của các công ty Mỹ bằng cách vi phạm luật sở hữu trí tuệ, xâm nhập vào không gian mạng của Mỹ cũng như dựa vào những hoạt động gián điệp để thu thập thông tin nhạy cảm và ăn cắp công nghệ. Việc thiếu sự phối hợp giữa chính quyền và các doanh nghiệp tư nhân Mỹ đang bị Trung Quốc khai thác cho mục đích kinh tế và chiến lược của nước này.

Bước thứ hai cũng nhằm tạo ra căng thẳng trong quan hệ của Mỹ với ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan. Trung Quốc cố tình gây chia rẽ để đạt được ưu thế trong các cơ chế song phương. Với những công cụ song phương, Bắc Kinh có thể lôi kéo các bên bằng những lợi ích kinh tế trước mắt mà Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa ra, hoặc cưỡng bức các bên nhỏ hơn, hoặc yếu hơn trong khu vực cho mục tiêu dài hạn của nước này.

Trong bối cảnh môi trường an ninh Châu Á – Thái Bình Dương hiện nay, bước thứ ba – “tiến hành một cuộc tấn công” – là chiến lược dài hạn của Bắc Kinh nhằm loại bỏ ảnh hưởng của Washington. Trong tương lai gần, CCP/PLA sẽ không ngần ngại thể hiện sức mạnh quân sự với các đồng minh và đối tác của Mỹ trong khu vực. Bởi vậy cho đến nay, Bắc Kinh đang thử nghiệm việc đe dọa Nhật Bản, Phi-líp-pin và Việt Nam bằng các hành vi hiếu chiến trong các

vùng biển tranh chấp. Cuối cùng, Trung Quốc muốn làm mất uy tín các liên minh an ninh của Mỹ, và loại bỏ hay giảm thiểu ảnh hưởng của Washington.

Có nhiều cách để Mỹ có thể thể đối phó với “chiến lược đánh vu hời” này. Thứ nhất, Washington phải giải quyết các vấn đề nội bộ của mình. Điều này có ý nghĩa quan trọng chống lại luận điệu nước Mỹ đang suy thoái. Hơn nữa, nước Mỹ phải đi đầu làm gương và kiểm soát tốt hơn mối quan hệ gần như là thù địch với Trung Quốc. Đồng thời Washington cũng cần nỗ lực giải quyết các vấn đề như bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và không gian mạng, Washington cũng cần phải nhận thức được mục tiêu tăng cường sức mạnh, và muốn “hất cẳng” Mỹ ra khỏi Châu Á của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Thứ hai, nước Mỹ nên cố gắng giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa khu vực công và khu vực tư nhân. Washington cũng cần đánh giá lại xem liệu các công ty Mỹ có thực sự đủ sức cạnh tranh trong một môi trường nơi mà các quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đức – có sự phối hợp nhịp nhàng hơn giữa các thực thể công và tư. Mỹ nên phát triển kế hoạch cho các cơ chế dài hạn để tạo ra sự thống nhất này. Chính quyền tổng thống Obama nên tập trung vào các chính sách giúp khôi phục nền kinh tế nội địa và tăng cường sức cạnh tranh của các doanh nghiệp Mỹ. Thực ra, nước Mỹ đã có một sự khởi đầu tốt. Trong Thông điệp Liên Bang cuối tuần trước, Tổng thống Obama đặt mục tiêu khôi phục nền kinh tế Mỹ là ưu tiên hàng đầu.

Để đối phó với “chiến lược đánh vu hời”, Washington phải ghi nhớ rằng bản chất của chiến lược này là nhằm làm giảm sức mạnh đối phương trước khi tấn công. Do chiến lược này được sử dụng để chống lại đối phương mạnh hơn nên thận trọng chính là bước đầu tiên để đối phó với chiến lược này. Mỹ cần nhận ra những yếu điểm nội tại và khắc phục một cách kịp thời. Washington cũng nên phát triển “chiến lược đánh vu hời” của riêng mình, bao gồm các hoạt động phản gián và khiến CCP phải trả giá đắt cho các hoạt động đánh cắp thông tin và công nghệ.

Tuy nhiên, trong bối cảnh cách hành xử của CCP/PLA và “chiến lược đánh vu hời” hiện nay, Mỹ và Trung Quốc có lẽ sẽ không thể phát triển một mối quan hệ mang tính xây dựng nếu CCP) không chịu từ bỏ mục tiêu chiến lược làm giảm ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Jenny Lin là nghiên cứu viên tại Quỹ Hòa Bình Sasakawa, Diễn đàn Thái Bình Dương CSIS. Bà đã từng công tác tại Viện Dự án 2049, Trung tâm Nghiên cứu Quân sự Trung Quốc, Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc gia. (Mỹ). Bài viết được đăng trên [CSIS](#).

Trần Quang (dịch)

Trung Quốc sẽ hoàn thành giấc mộng cường quốc biển vào năm 2030?

Đến năm 2030 liệu Trung Quốc có trở thành một cường quốc biển thực thụ trên mọi lĩnh vực? Bài viết phân tích và đưa ra 7 điểm Trung Quốc cần thực hiện để trở thành một cường quốc biển trên tất cả các ngành nghề, lĩnh vực vào năm 2030.



Tờ “Thời báo Hoàn Cầu” mới đây đăng bài viết của Trương Kiến Cường, Chủ nhiệm Phòng Nghiên cứu chính trị hải dương chiến lược thuộc Đại học Hải dương Quảng Đông, trong đó vị chuyên gia này cho rằng Báo cáo Đại hội 18 của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã coi xây dựng cường quốc biển là chiến lược phát triển quốc gia, đây là yêu cầu thời đại của toàn thể con cháu Viêm Hoàng, là tiến trình tất yếu của lịch sử Trung Quốc. Tác giả định nghĩa cường quốc biển là chỉ sự tổng hoà về sức mạnh kinh tế và sức mạnh vũ trang trên biển, là chỉ quốc gia có thực lực tổng hợp lớn mạnh trên các mặt như khai thác biển, sử dụng biển, bảo vệ biển và quản lý biển, trong đó Mỹ và Nhật Bản ngày nay chính là hệ tham chiếu.

Tác giả đã đưa ra 7 đặc điểm chủ yếu để Trung Quốc có thể trở thành cường quốc biển trong tương lai:

Thứ nhất, để trở thành cường quốc biển, Trung Quốc cần có một lực lượng hải quân hùng mạnh. Để tương xứng với các cường quốc biển, Hải quân Trung Quốc đầu tiên cần bắt đầu từ việc bảo vệ Đông Hải (Biển Hoa Đông), Biển Đông, bảo vệ quyền lợi biển của mình. Đến khi đó, Hải quân Trung Quốc có thể gánh vác và hoàn thành 4 sứ mệnh chiến lược: một là bảo vệ thống nhất tổ quốc và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ quyền lợi biển quốc gia, đồng thời mở rộng phòng thủ chiều sâu khu vực duyên hải Đông Nam Trung Quốc; hai là bảo đảm thông suốt tuyến đường trên biển liên quan đến kinh tế quốc dân, bảo vệ tự do hàng hải của các đoàn tàu thương mại Trung Quốc; ba là bảo vệ thương mại ở nước ngoài và lợi ích đầu tư ngày càng mở rộng của Trung Quốc; bốn là đảm nhận nhiệm vụ bảo vệ hoà bình thế giới và an ninh biển.

Theo tác giả, đến khi đó Hải quân Trung Quốc đã hình thành cục diện phòng thủ biển trên 5 phương diện gồm lục quân, hải quân, không quân, vũ trụ và mạng; xây dựng hạm đội biển

khởi hùng mạnh, đi theo hướng biển khơi, bảo vệ lợi ích của Trung Quốc ở bên ngoài lãnh thổ. Vì vậy, Trung Quốc cần phải đưa vào sử dụng ít nhất từ 6 đến 8 chiếc tàu sân bay, trong đó 2 đến 4 chiếc tuần tra thường trực tại Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, 2 chiếc thực hiện nhiệm vụ huấn luyện và tiếp tế hậu cần, 2 chiếc duy tu bảo dưỡng. Hải quân Trung Quốc sẽ có thể thực thi chiến lược phòng ngự chủ động và phòng ngự biển khơi, tích cực mở rộng vùng đệm chiến lược ra bên ngoài, tàu ngầm hạt nhân chiến lược của Trung Quốc không những có thể phản kích những kẻ xâm lược trên biển, mà còn có thể tấn công “nhường trước lấn sau” đối với các nước xâm lược trên biển. Lực lượng hải quân hùng mạnh này có thể giành chiến thắng trong thực tiễn chiến tranh cục bộ. Thông qua xây dựng hiện đại hoá hải quân nhằm giải quyết các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống mà Trung Quốc phải đối mặt.

Thứ hai, tổng lượng kinh tế biển của Trung Quốc cần chiếm từ 1/3 - 1/2 GDP. Tác giả cho rằng diện tích biển của Trung Quốc là hơn 3 triệu km², chiếm 1/3 tổng diện tích lãnh thổ đất liền Trung Quốc, nhưng kinh tế biển chỉ chiếm chưa đầy 10% GDP. Trong khi đó, kinh tế bờ biển và kinh tế biển của Mỹ hiện nay đã chiếm đến 75% công ăn việc làm và 51% GDP trong tổng thể nền kinh tế Mỹ. Khi trở thành cường quốc biển, kinh tế biển của Trung Quốc cần thực hiện mô hình phát triển nhất thể hoá giữa biển, bờ biển và lục địa, thực hiện phát triển bền vững kinh tế biển.

Trong phương diện các ngành nghề gần bờ có thể học tập khuôn mẫu Nhật Bản. Diện tích vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Nhật Bản đạt hơn 4,5 triệu km², lớn gấp 12 lần diện tích lãnh thổ đất liền của Nhật Bản. Từ thập niên 60 của thế kỷ trước đến nay, Chính phủ Nhật Bản đã chuyển dịch trọng tâm phát triển kinh tế từ ngành công nghiệp nặng sang phát triển sản ngành nghề biển, nhanh chóng hình thành kết cấu kinh tế biển hiện đại lấy các ngành kỹ thuật công nghệ cao như khai thác tài nguyên sinh vật biển, giao thông vận tải biển, công trình biển làm trụ cột. Ngoài ra, một số thành phố duyên hải Trung Quốc cũng có thể học tập mô hình của Xinghago phát triển chủ yếu dựa vào vận tải biển, cảng biển.

Thứ ba, Trung Quốc cần có khoa học kỹ thuật biển và năng lực khai thác phát triển biển rất mạnh. Khai thác phát triển biển chủ yếu chỉ khai thác tài nguyên biển và khai thác kỹ thuật biển, bao gồm công nghiệp và giao thông tàu biển, chế tạo và lắp đặt cáp điện thông tin đáy biển, thăm dò và khai thác tài nguyên khoáng sản biển, thực phẩm và dược phẩm sinh học biển; khử mặn nước biển và sử dụng các công trình phát điện bằng sức gió, sóng, thủy triều; bảo vệ giám sát môi trường biển và xử lý ô nhiễm biển, cảnh báo, dự báo thiên tai biển, nuôi trồng thủy hải sản gần bờ, xa bờ, đánh bắt cá đại dương...

Đến khi đó, năng lực khai thác phát triển biển kể trên của Trung Quốc sẽ đạt được tiến triển, ngành dầu khí biển, công nghiệp gần cảng, ngành trung chuyển hàng hoá hiện đại, ngành du lịch biển lấy kỹ thuật công nghệ cao làm trụ cột trở thành chủ thể của phát triển kinh tế. Thu nhập từ du lịch và nghỉ dưỡng biển của Mỹ đạt 30 tỷ USD, chiếm 49% tổng thu nhập du lịch của cả nước Mỹ. Đến khi đó, Trung Quốc cần có 30 chiếc giàn khoan biển sâu giống như giàn khoan “CNOOC 981” được Trung Quốc tự nghiên cứu chế tạo và đưa vào sử dụng trong năm 2012, vùng Biển Đông và đảo Điếu Ngư/Senkaku sẽ được xây dựng thành “Đại Khánh biển sâu”, việc Trung Quốc tự khoan thăm dò dầu khí tại vùng biển của mình và vùng biển quốc tế sẽ trở nên hết sức bình thường.

Thứ tư, Trung Quốc cần có năng lực kiểm soát biển rất mạnh. Đến năm 2030, công tác quản lý biển của Trung Quốc sẽ có những bước đi mới, lực lượng quản lý biển nhiều đầu mối hiện nay sẽ được chấn chỉnh, xây dựng cơ chế “cảnh sát biển”, thành lập lực lượng “cảnh sát 110 trên biển” (cảnh sát 110 của Trung Quốc có hình thức như cảnh sát 113 của Việt Nam-ND), hoàn thành 3 chức trách: giám sát khai thác và sử dụng tài nguyên biển; giám sát bảo vệ và cứu hộ môi trường biển; giám sát vào bảo vệ chủ quyền biển.

Hiện nay, số lượng tàu thi hành pháp luật của cả hai ngành hải giám và ngư chính Trung Quốc chưa đến 500 chiếc, tàu trên 1.000 tấn cũng chưa đến 50 chiếc. Đến năm 2030, “cảnh sát 110 trên biển” của Trung Quốc cần có 60 chiếc tàu thi hành pháp luật trên biển giống như tàu hải giám 83 và tàu ngư chính 206 có trọng tải trên 3.000 tấn và khoảng 900 tàu trọng tải 1.000 tấn, đạt trình độ mỗi 3.000 km² vùng biển bố trí một tàu tuần tra thi hành luật pháp có trọng tải nghìn tấn. Khi đó ngư dân Trung Quốc có thể tiến hành sản xuất, đánh bắt cá an toàn tại vùng biển của mình, đội tàu vận tải biển và công trình biển cũng không bị cướp biển đe dọa, uy hiếp.

Thứ năm, Trung Quốc cần có ý thức biển và văn hoá biển toàn dân. Tác giả cho rằng đến năm 2030, văn hoá biển sẽ được toàn xã hội tiếp thu. Việc giáo dục văn hoá biển của Trung Quốc không chỉ cần đưa vào sách giáo khoa lịch sử, địa lý, mà còn phải đưa vào sách ngữ văn, toán học trong trường học. Đến khi đó, mỗi học sinh Trung Quốc đều biết sự thật trong đại dương, nếu anh chiếm được một đảo nhỏ mấy chục mét vuông có điều kiện cho con người sinh sống, căn cứ quy định “Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển” thì có thể được quyền sử dụng vùng đặc quyền kinh tế 430.000 km², rộng gấp hơn 4 lần diện tích toàn tỉnh Chiết Giang của Trung Quốc.

Thứ sáu, Trung Quốc cần có quy hoạch chiến lược biển mang tính toàn cầu. Hiện nay, Trung Quốc không chỉ cần quản lý tốt, sử dụng tốt cơ nghiệp về biển do cha ông để lại mà còn phải

khai thác và sử dụng tốt tài sản chung của toàn nhân loại - đó là 4 đại dương. Trung Quốc phải coi trọng hơn việc xây dựng trạm Trường Thành, Trung Sơn và Côn Lôn tại Nam Cực, coi trọng việc khảo sát khoa học và địa vị chiến lược của Bắc Băng Dương.

Thứ bảy, Trung Quốc cần hoàn thành sự nghiệp lớn thống nhất tổ quốc, giải quyết các đảo và vùng biển có tranh chấp. Đến năm 2030, tranh chấp lãnh thổ và quyền lợi biển với các nước láng giềng, nhất là vấn đề tranh chấp như đảo Điếu Ngư/Senkaku, quần đảo Trường Sa đã cơ bản được giải quyết, có một số vùng biển tranh chấp nghiêm trọng được phân định thành khu vực cùng khai thác do phía Trung Quốc làm chủ. Khi đó, các nước như Nhật Bản, Philippin, Việt Nam sẽ phải quen và phát triển trong vành đai lớn thịnh vượng của Trung Hoa, hoàn toàn phụ thuộc vào Trung Quốc cả kinh tế lẫn chính trị.

Tác giả cho rằng Trung Quốc sẽ thực hiện được giấc mộng cường quốc biển chứ không phải là nước bá quyền biển, đây là lời hứa trang nghiêm của Trung Quốc đối với nhân dân các nước trên thế giới. Nếu hỏi còn bao lâu nữa Trung Quốc mới trở thành cường quốc biển? Tác giả dự đoán đến khoảng năm 2030 - 2035 Trung Quốc có thể thực hiện điều này. Ngày 11/12/2012, Ủy ban Tình báo quốc gia Mỹ công bố báo cáo “Xu hướng toàn cầu năm 2030”, trong đó khẳng định thời đại bá quyền Mỹ sẽ kết thúc vào năm 2030, đồng thời đón nhận thế giới dân chủ hoá đa cực. Điều này cho thấy rõ trong khoảng thời gian 20 năm tới, Trung Quốc hoàn toàn có môi trường quốc tế thuận lợi để hoàn thành giấc mộng cường quốc biển.

Trương Kiến Cường, Chủ nhiệm Phòng Nghiên cứu chính trị hải dương chiến lược thuộc Đại học Hải dương Quảng Đông. Bài viết được đăng trên **Thời báo Hoàn Cầu**.

Quốc Trung (gt)

Ba kịch bản có thể xảy ra tại Biển Đông

Tranh chấp trên Biển Đông; triển vọng của một cuộc đối đầu quân sự lớn hoặc một giải pháp hòa bình, đã trở thành một chủ đề quan trọng trong năm 2012. Giờ là thời điểm thích hợp để tìm kiếm những kịch bản tương lai có thể xảy ra đối với tình thế trong khu vực.



Tương lai của Biển Đông dựa trên 6 yếu tố: (i) Sự tồn tại của một nước bá quyền có khả năng và động cơ để tạo ra một trật tự ổn định. (ii) Sự phân bổ sức mạnh quân sự đồng đều và tránh các hành vi hiếu chiến thái quá. (iii) Việc tôn trọng thông lệ quốc tế trong giải quyết tranh chấp hòa bình các xung đột. (iv) Sự ưu tiên duy trì quan hệ kinh tế quốc tế và phát triển. (v) Sự hiện diện của các thể chế để quy chuẩn hóa đối thoại và hợp tác. (vi) Các thực thể nội địa thống nhất, ưu tiên các giải pháp cùng thắng và hòa bình.

Tương lai của Biển Đông sẽ ra sao? 6 yếu tố trên có phù hợp với tình hình hiện nay? Có 3 kịch bản có thể xảy ra: kịch bản tận diệt, kịch bản mơ ước và kịch bản nguyên trạng.

Kịch bản xung đột (*The apocalypse scenario*) là viễn cảnh xấu nhất có thể xảy ra; trong kịch bản này, sẽ nổ ra một cuộc xung đột giữa các bên tranh chấp, có cả sự tham dự của Mỹ. Đối đầu quân sự lớn sẽ bắt nguồn từ sự bất lực của Mỹ trong việc duy trì thể trung lập trong cuộc tranh chấp hoặc rút hết quân khỏi khu vực, sự sụp đổ hoàn toàn của các cuộc thảo luận khu vực, việc gạt bỏ các thông lệ quốc tế và các tính toán tỉ mỉ của các bên tranh chấp.

Kịch bản mơ ước (*The dream scenario*) đề cập đến tình huống trong đó các tuyên bố chủ quyền lãnh thổ được giải quyết hoàn toàn và bằng biện pháp hòa bình, và một giải pháp cùng thắng được đưa ra. Muốn đạt được điều này, các bên tuyên bố chủ quyền phải có quan điểm thực tế và 6 yếu tố nêu trên phải được đặt đúng chỗ.

Kịch bản nguyên trạng (*The status-quo scenario*), là kịch bản có khả năng xảy ra nhất trong 10 năm tới, các bên tuyên bố chủ quyền có thái độ nửa vời trong việc giải quyết các tuyên bố về lãnh thổ và duy trì ổn định.

Các thông tin hiện nay cho thấy rằng một cuộc xung đột lớn sẽ không diễn ra. Các nhà phân tích quân sự của tổ chức IHS Jane's nhận định rằng các quốc gia ĐNÁ, bao gồm các bên tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông, trong năm 2011 đã tăng 13,5% chi tiêu cho quốc phòng, lên mức 24,5 tỷ USD. Con số này dự kiến sẽ tăng lên 40 tỷ USD vào năm 2016. Điều này sẽ ngăn chặn Trung Quốc gây sức ép mạnh với các bên tuyên bố chủ quyền hoặc chiếm đóng vùng lãnh thổ mà Trung Quốc tuyên bố chủ quyền. Một yếu tố làm ổn định khác đó là Mỹ. Chính sách hướng về Châu Á – Thái Bình Dương của Mỹ từ năm 2009 bao gồm cả cam kết kiểm giữ các bên tuyên bố chủ quyền vì khu vực này có giá trị chiến lược và kinh tế cao. Gần 1/3 lượng tàu thuyền hàng hải của thế giới đều đi qua khu vực này.

Mong muốn của các bên tuyên bố chủ quyền nhằm duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực có thể chưa đủ để đảm bảo sự ổn định trong tương lai. Khả năng của các chính phủ trong việc thuyết phục các thể chế nội địa và công dân của mình chấp nhận một giải pháp cùng thắng, toàn diện và hòa bình cũng là hết sức quan trọng.

Tác giả Anggrutari C. Sari, giảng viên tại khoa quan hệ quốc tế, Đại học Công giáo. Bài viết đăng lần đầu tiên trên [The Jakarta Post](#) (ngày 31/12).

Vũ Hiền (gt)

Tranh chấp biển châu Á, Kẻ thắng sẽ chẳng thu được gì

Chủ nghĩa dân tộc, những hy vọng về kho báu dầu khí dưới biển – những con số được Trung Quốc thổi phồng quá mức – đang là những trở ngại cho tiến trình giải quyết những tranh chấp lãnh thổ tại châu Á, thậm chí nó có là tác nhân phá hỏng Thế kỷ châu Á.



Vùng nước dữ: Máy bay tuần tra P3C của Nhật Bản bay qua quần đảo Senkaku/Điếu Ngư (ảnh trên), Trung Quốc triển khai dàn khoan dầu nước sau tại Biển Đông.

Ba vị quan chức cấp cao của Mỹ đã đến viếng thăm hai quốc gia đồng minh Đông Á là Hàn Quốc và Nhật Bản với nỗ lực giảm căng thẳng của những yêu sách chủ quyền lãnh thổ. Theo

Robert A. Manning, chuyên viên cao cấp Trung tâm An ninh Quốc tế Brent Scowcroft, Hội đồng Đại Tây Dương, thì giọng điệu chủ nghĩa dân tộc, những lời đe dọa sử dụng vũ khí hiện đại như máy bay không người lái có khả năng sẽ làm chệch hướng những nỗ lực của châu Á trong việc hướng đến sự thịnh vượng, vai trò lãnh đạo toàn cầu, và đe dọa đến giấc mơ về một Thế kỷ châu Á. Nguồn tài nguyên năng lượng tiềm tàng dưới biển, có lẽ đã bị phóng đại quá mức, cũng như kỹ thuật hiện đại cho phép khoan sâu và rộng hơn trên biển đã khoét sâu thêm tình trạng thù địch. Nguồn dự trữ năng lượng trong dài hạn có thể không đáng kể với những nguồn lợi tiềm tàng đến từ sự ổn định khu vực hoặc việc đầu tư chung để tìm ra các công nghệ thay thế. Tranh cãi và rủi ro về an ninh đang ngăn cản các nhà đầu tư nước ngoài

hợp tác với các nền kinh tế nhỏ mới nổi. Trung Quốc có lẽ đang từ bỏ phương châm “gác tranh chấp, cùng khai thác” của Đặng Tiểu Bình. Manning cho rằng sự tổn thương về ký ức lịch sử và niềm tự hào dân tộc là những thách thức đang chờ đợi các nền kinh tế lớn của châu Á. – YaleGlobal.

Tranh chấp biển châu Á: Kẻ thắng sẽ chẳng thu được gì

Tranh chấp lãnh thổ tại biển Hoa Đông và Biển Đông có thể làm chệch hướng Thế kỷ châu Á.

Cũng giống như cách mà vụ ám sát hoàng tử Áo Ferdinand châm ngòi cho cuộc chiến tranh Thế giới I, những căng thẳng gia tăng trong tranh chấp lãnh thổ tại Biển Hoa Đông và Biển Đông đang làm chệch hướng Thế kỷ châu Á. Dù kết quả có như thế nào, người ta chỉ nhìn thấy chủ nghĩa dân tộc thù địch, vết sẹo ký ức quốc gia và sự trỗi dậy của một Trung Quốc ngày càng quyết đoán đằng sau những xung đột lợi ích.

Nhiều người cho rằng nguyên nhân chính là vì dầu mỏ: bởi theo quan niệm của họ, bên dưới những vùng biển tranh chấp này là một kho báu dầu mỏ và khí đốt có thể đáp ứng đủ nhu cầu năng lượng cho các nền kinh tế năng động ở châu Á.

Thật không may là chẳng có cơ sở nào để khẳng định chắc chắn việc này. Sự thực thì kẻ thắng cuộc trong tranh chấp Biển Đông và Hoa Đông có lẽ sẽ không thu đủ được nguồn năng lượng cần thiết để tạo nên lợi thế khác biệt đáng kể với nhu cầu năng lượng ngày càng tăng của các bên yêu sách khác. Điều này đặc biệt đúng trong trường hợp của Trung Quốc. Và trong bất kỳ trường hợp nào, để khai thác nguồn tài nguyên hiện hữu, cần phải có sự ổn định và vững chắc về pháp lý và chính trị.

Những căng thẳng về vấn đề lãnh thổ đã bùng phát từ nhiều năm trở lại đây. Đã có hơn hai chục cuộc đụng độ quân sự tại Biển Đông từ năm 1974 khi Trung Quốc đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam, cuộc xâm lược này đã làm chết 18 binh lính Việt Nam. Hầu hết các hành động này đều diễn ra trong những năm 1990, và vấn đề tương đối ổn định trong thời gian gần đây. Mặc dù Trung Quốc đã ký kết và phê chuẩn Công ước về Luật biển (UNCLOS), nhưng sự quyết đoán gần đây của quốc gia này lại dựa trên những yêu sách mâu thuẫn với chính những gì nước này ký kết – “Đường 9 đoạn”, đường yêu sách bao phủ hơn 80% diện tích Biển Đông, trái với quy định của Công ước về vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý.

Một yếu tố mới có khả năng tăng cường lợi ích trên biển là sự phát triển không ngừng về

nghe khoan nước sâu. Từ trước những năm 1990, có rất ít công nghệ khoan xa bờ hay các mỏ sâu hơn 204 m. Trong hai thập kỷ trở lại đây, số lượng dầu gia tăng trên toàn cầu đều xuất phát từ khu vực được gọi là “siêu nước sâu” – với độ sâu 1500 m hoặc hơn. Trước đây, công nghệ này chủ yếu thuộc về các công ty đa quốc gia của phương Tây. Nhưng vào tháng 5/2012, Tập đoàn Dầu khí Ngoài khơi Quốc gia Trung Quốc (CNOOC) đã tuyên bố đã phát triển dàn khoan nước sâu trị giá 1 tỷ USD có khả năng hút dầu từ độ sâu 12.000 m.

Đến nay, vẫn chưa có một cuộc khảo sát mang tính chính thống nào về tiềm năng dầu khí tại Biển Đông cũng như Biển Hoa Đông. Những con số về trữ lượng dầu khí của Trung Quốc trên cả hai khu vực này thường được phóng đại so với với các con số của các công ty năng lượng đa quốc gia hay của các nhà phân tích khác. Trung Quốc ước tính trữ lượng dầu khí tại Biển Hoa Đông vào khoảng 160 tỷ thùng dầu, gần gấp đôi so với con số của Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA).

Một yếu tố mới có khả năng tăng cường lợi ích trên biển là sự phát triển không ngừng về công nghệ khoan nước sâu

Về nguồn năng lượng tại Biển Đông, hầu như các chuyên gia đều cho rằng khu vực này chiếm 70% khí đốt – Trung Quốc đã phóng đại về trữ lượng dầu khí tại đây. CNOOC ước tính có khoảng 213 tỷ thùng dầu – tương đương với trữ lượng đã được phát hiện tại Ả rập Saudi. Con số này gấp gần 12 lần so với ước tính của Cục Khảo sát Địa chất Mỹ (USGS), và gấp gần 100 lần so với con số ước tính của công ty tư vấn năng lượng Wood-Mackenzie, công ty này ước tính chỉ có 2,5 tỷ thùng dầu đã được phát hiện tại các đảo, bãi cạn trong khu vực tranh chấp Biển Đông!

Ngoại trừ khả năng Trung Quốc và một số công ty của Trung Quốc đã tham gia liên doanh khai thác với các công ty nước ngoài, thì các quốc gia Đông Á nếu muốn khai thác các nguồn dầu khí tại các hòn đảo nhỏ và san hô có yêu sách sẽ cần phải liên doanh với các nhà đầu tư nước ngoài. Trên thực tế, một số bên tranh chấp trong ASEAN đã ký hợp đồng khai thác dầu khí với công ty nước ngoài. Tuy nhiên, do những rủi ro chính trị và sự bất ổn về pháp lý trong vấn đề tranh chấp lãnh thổ nên rất khó có thể có những dự án đầu tư quy mô lớn.

Có lẽ đây chính là logic ẩn đằng sau chính sách “gác tranh chấp, cùng khai thác” mà Trung Quốc đã theo đuổi cho đến gần đây, đúng theo phương châm của Đặng Tiểu Bình. Với tiến trình hoạch định chính sách thiếu minh bạch của Trung Quốc, thì thật thú vị khi theo dõi sự kết hợp của tham vọng về hải quân, chính sách trọng thương (hám lợi)

Về nguồn năng lượng tại Biển Đông, hầu như các chuyên gia đều cho rằng khu vực này chiếm 70% khí ga – Trung Quốc đã phóng đại về trữ lượng dầu khí tại đây

đối với các nguồn tài nguyên, những hy vọng được thổi phồng về nguồn năng lượng và năng lực của công nghệ mới về khai thác dầu khí có thể khiến cho Trung Quốc từ bỏ chính sách của Đặng hay không.

Thật mỉa mai là Đặng vẫn có lý. Thật khó để tìm ra được cách giải quyết cho tranh chấp: làm thế nào để các quốc gia thỏa hiệp với nhau về danh dự quốc gia và ký ức lịch sử? Và cũng rất khó để hình dung cách tạo ra tính pháp lý và sự ổn định chính trị nhằm giảm rủi ro khiến các công ty năng lượng quốc tế cam kết những khoản đầu tư hàng tỷ USD. Hầu hết các hợp đồng khai thác đều được thực hiện bởi các công ty nhỏ với mục đích thâm nhập tạo nền tảng ban đầu. Vì vậy, việc phát triển chung “không gây phương hại” đến các yêu sách có vẻ rất có ý nghĩa.

Đã có nhiều tiền lệ về khai thác chung các nguồn tài nguyên, chẳng hạn như hiệp định giữa các bên yêu sách tại Bắc Cực. Tại Đông Á, Thái Lan và Malaysia đã đạt được thỏa thuận cùng khai thác dầu khí, và cũng có hiệp định tương tự giữa Úc và Đông Timor.

Đó chưa phải là tất cả, giữa Trung Quốc và Nhật Bản cũng đã đạt được thỏa thuận khai thác chung vào năm 2008 nhằm khai thác dầu khí tại khu vực xung quanh quần đảo tranh chấp không có người ở là Điếu Ngư/Senkaku. Bắc Kinh và Tokyo đã đồng ý khai thác chung 4 mỏ khí tại Biển Hoa Đông và ngừng khai thác tại các vùng tranh chấp trong khu vực này. Hai bên đã chấp thuận tiến hành thăm dò chung, với mức đầu tư bằng nhau tại khu vực phía bắc mỏ khí Chunxiao/Shirakaba và phía nam mỏ khí Longjing/Asunaro. Tuy nhiên, do Trung Quốc đã tiến hành đơn phương khai thác mỏ khí Tianwaitian/Kashi, khiến Nhật Bản phản đối vào tháng 1/2009. Tranh cãi này cùng với vụ va chạm giữa Nhật Bản và Trung Quốc xung quanh việc Tuần duyên Nhật Bản bắt giữ viên thuyền trưởng Trung Quốc vào năm 2010 đã khiến cho thỏa thuận này bị ngưng trệ.

Dư luận Đông Á đang xôn xao đồn đoán về việc các chính phủ mới lên nắm quyền tại Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc sẽ ảnh hưởng như thế nào đến tranh chấp lãnh thổ. Việc gia tăng hết sức nhanh chóng về giao thông, tuần tra hàng hải của tàu hải giám tại các vùng tranh chấp và tuần tra trên không cho thấy năm

Trung Quốc và Nhật Bản đã đạt được thỏa thuận khai thác chung vào năm 2008 nhằm khai thác dầu khí tại khu vực xung quanh quần đảo Điếu Ngư/Senkaku

2013 sẽ có ít nhất một vài va chạm hải quân. Trong một tín hiệu tích cực, Thủ tướng Nhật Bản Shintaro Abe, một chính khách mang đậm tư tưởng dân tộc chủ nghĩa, đã nhanh chóng cử một nhà ngoại giao cao cấp tới Seoul, quốc gia mà Nhật Bản đang có những tranh cãi về tranh chấp lãnh thổ, để trấn an chính quyền mới tại Seoul của bà Park Geun-hye và hàn gắn

những bất hòa.

Mối quan hệ Trung – Nhật đặc biệt căng thẳng với việc Trung Quốc hàng ngày cử tàu thuộc cơ quan hàng hải tới khu vực Senkaku/Điếu Ngư và Nhật Bản đe dọa sẽ cử Không Quân nổ súng cảnh báo.

Trong thời gian nhiệm kỳ Thủ tướng vào năm 2006, ông Abe đã có nỗ lực đặc biệt để xoa đi những mối quan ngại của Trung Quốc. Với việc ông Abe ưu tiên phục hồi nền kinh tế đang chao đảo và kỳ bầu cử Thượng viện vào tháng 7 tới đây, nhiều người kỳ vọng ông Abe sẽ cố gắng hạn chế tối đa xung đột – ít nhất là trong ngắn hạn. Nhưng đối mặt với sự phẫn nộ của công chúng đối với hành động khiêu khích của Trung Quốc, ông Abe và nội các theo chủ nghĩa dân tộc có thể sẽ khuấy tung mọi thứ lên.

Mỹ đã kêu gọi hai bên giảm căng thẳng và đã cử một nhóm gồm các quan chức ngoại giao và an ninh tới để tham vấn với các đồng minh Hàn Quốc và Nhật Bản.

Cuối cùng, một mớ bòng bong về những yêu sách chủ quyền chồng lấn tại châu Á dường như sẽ chẳng đem lại nguồn lợi về năng lượng cho bất kỳ quốc gia nào. Đó là trường hợp “kẻ thắng chẳng thu được gì”. Trừ khi khu vực này có thể tìm ra phương cách giải quyết hay ít nhất là kiểm soát được tình cảm chủ nghĩa dân tộc đang là động lực chính thúc đẩy các tranh chấp đối với những bãi cạn và hòn đảo nhỏ không người ở, nếu không Thế kỷ châu Á sẽ thực sự chấm dứt.

Robert A. Manning từng là cố vấn cao cấp (2001-2004) và là thành viên Ban Hoạch định Chính sách, Bộ Ngoại giao Mỹ (2004-2008). Ông hiện là chuyên gia cao cấp tại Trung tâm An ninh Quốc tế Brent Scowcroft, Hội đồng Đại Tây Dương. Bài viết được đăng trên [Yale Global Online](#).

Trần Quang (dịch)

Hoa Đông, Biển Đông: Thùng thuốc súng tại Thái Bình Dương?

Hành động “bắt nạt” của Trung Quốc trên Biển Đông và Hoa Đông, sự phản ứng và quyết tâm của các quốc gia có tranh chấp, chính sách “Trở lại châu Á” hay “Tái cân bằng” với nguồn lực có phần hạn chế đang là những tác nhân khiến cho tranh chấp tại Biển Đông và Hoa Đông trở thành thùng thuốc súng có thể phát nổ bất kỳ khi nào.



Tạp chí Wall Street của Mỹ mới đây đăng viết của tác giả Michael T. Klare, Giáo sư của Khoa Nghiên cứu Hòa bình và An ninh Thế giới thuộc Đại học Hampshire của Mỹ, trong đó cho biết một số nhà phân tích ở Oasinhton cho rằng cuộc tranh cãi cuối cùng với Iran về tham vọng hạt nhân sẽ là cuộc khủng hoảng lớn đầu tiên thách thức tân Bộ trưởng Quốc phòng của Mỹ. Do có ít dấu hiệu cho thấy các cuộc đàm phán giải quyết vấn đề hạt nhân của Iran đạt được bước đột phá, nhiều nhà phân tích tin rằng hành động quân sự của Ixraen hoặc Mỹ có thể nằm trong chương trình nghị sự năm 2013.

Nhưng tiếp theo rắc rối của vấn đề hạt nhân Iran là các cuộc khủng hoảng tiềm tàng và nhiều khả năng sẽ xảy ra hơn so với tưởng tượng của hầu hết các nhà phân tích: đó là cuộc xung đột ở biển Hoa Đông và Biển Đông.

Quyết tâm khẳng định quyền kiểm soát các hòn đảo tranh chấp của Trung Quốc ở các vùng biển giàu năng lượng trên biển Hoa Đông và Biển Đông vấp phải phản ứng mạnh mẽ từ Nhật Bản, Philíppin và Việt Nam, cùng với sự quyết đoán khu vực lớn hơn của Mỹ đang gây lo lắng không chỉ cho khu vực mà cả toàn cầu. Khả năng xảy ra một cuộc khủng hoảng Iran vẫn là điểm nhấn vì nguy cơ gây mất ổn định rõ ràng ở Trung Đông lớn hơn và cuộc khủng hoảng đó đe dọa sản xuất và vận chuyển dầu toàn cầu. Nhưng một cuộc khủng hoảng ở biển Hoa Đông hay Biển Đông sẽ tạo nên những hiểm họa lớn hơn do khả năng đối đầu quân sự Mỹ-Trung và mối đe dọa đối với sự ổn định kinh tế của châu Á. Mỹ bị ràng buộc bởi hiệp ước hỗ

trợ Nhật Bản hoặc Philíppin nếu hai nước này bị nước thứ 3 tấn công, do đó bất cứ cuộc xung đột nào xảy ra giữa lực lượng vũ trang Trung Quốc và Nhật Bản hoặc Philíppin đều có thể dẫn đến sự can thiệp quân sự của Mỹ. Nhưng do phần lớn thương mại của thế giới tập trung ở châu Á, đồng thời nền kinh tế Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản cũng gắn bó chặt chẽ với nhau theo nhiều cách, do đó xung đột xảy ra trên các tuyến đường biển đều có thể làm tê liệt thương mại quốc tế hoặc gây suy thoái toàn cầu.

Khả năng một cuộc xung đột xảy ra ngày càng tăng trong những tháng gần đây do Trung Quốc và các nước láng giềng tiếp tục đưa ra các tuyên bố chủ quyền cứng rắn và tăng cường lực lượng quân sự ở các khu vực tranh chấp. Các tuyên bố tiếp tục chính sách “trở lại” hoặc “tái cân bằng” lực lượng ở Thái Bình Dương của Oasinhton càng làm tăng thái độ không khoan nhượng của Trung Quốc và tăng cảm giác về cuộc khủng hoảng trong khu vực. Các nhà lãnh đạo của tất cả các bên tiếp tục khẳng định các quyền bất khả xâm phạm của đất nước họ ở các hòn đảo tranh chấp và cam kết sử dụng mọi phương tiện cần thiết để chống lại sự xâm nhập của các bên tranh chấp. Đặc biệt Trung Quốc tăng cường tần suất và quy mô của các cuộc diễn tập hải quân ở các vùng biển tranh chấp với Nhật Bản, Việt Nam và Philíppin, từ đó càng làm tăng thêm căng thẳng trong khu vực.

Nhìn bề ngoài, những tranh chấp đó dường như chỉ xoay quanh vấn đề nước nào sở hữu các bãi san hô và đảo nhỏ mà hiện một loạt các quốc gia tuyên bố chủ quyền. Tại biển Hoa Đông, quần đảo tranh chấp giữa Trung Quốc và Nhật Bản được gọi là Điếu Ngư theo tiếng Trung và Senkaku theo tiếng Nhật. Hiện nay, Nhật Bản đang quản lý quần đảo, nhưng Trung Quốc cũng tuyên bố chủ quyền. Trên Biển Đông, một số nhóm đảo đang bị tranh chấp, kể cả quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam mà Trung Quốc gọi là Nam Sa và Tây Sa. Trung Quốc tuyên bố chủ quyền gần như toàn bộ các quần đảo ở Biển Đông, trong khi Việt Nam tuyên bố chủ quyền quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, Brunây, Malaixia và Philíppin cũng tuyên bố chủ quyền một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Tất nhiên vấn đề không chỉ dừng lại ở chủ quyền đối với một số hòn đảo không người. Theo dự kiến của các nhà khoa học, dưới đáy biển của các hòn đảo đó còn có trữ lượng lớn dầu lửa và khí đốt tự nhiên. Quyền sở hữu các quần đảo tự nhiên sẽ đồng thời sở hữu các nguồn dự trữ tài nguyên - vấn đề mà tất cả các nước đều mong muốn. Cùng lúc đó các lực lượng dân tộc chủ nghĩa cũng nổi lên mạnh mẽ. Người Trung Quốc tin rằng tất cả các quần đảo này là một phần lãnh thổ quốc gia của họ và tuyên bố chủ quyền của các nước khác là sự tấn công trực tiếp vào quyền chủ quyền của Trung Quốc. Thực tế việc Nhật Bản – nước xâm lược tàn bạo và chiếm đóng của Trung Quốc trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai – tuyên bố chủ quyền một số hòn đảo chỉ tăng thêm sự chỉ trích mạnh mẽ của chủ nghĩa dân tộc Trung Quốc và thái độ không khoan nhượng của Bắc Kinh về vấn đề này. Tương tự, người Nhật Bản, Việt Nam và

Philippines cảm thấy bị đe dọa bởi sự giàu có và sức mạnh ngày càng tăng của Trung Quốc, nhưng không chịu khuất phục trong các tranh chấp đảo.

Những tranh chấp đó gần đây đang leo thang. Ví dụ, tháng 5/2011, Việt Nam cho biết các tàu chiến Trung Quốc quấy rối và thậm chí cắt dây cáp khảo sát địa chấn của các tàu thăm dò dầu khí của công ty PetroVietnam ở Biển Đông. Tháng 4/2012, các tàu hải giám vũ trang của Trung Quốc bao vây các tàu của Philippines khi các tàu Philippines kiểm tra các tàu cá Trung Quốc bị nghi ngờ đánh cá trái phép ở đảo Hoàng Nham, một hòn đảo nhỏ ở Biển Đông mà hai nước đều tuyên bố chủ quyền.

Biển Hoa Đông cũng chứng kiến căng thẳng tương tự trong thời gian gần đây. Ví dụ tháng 9/2012, các nhà chức trách Nhật Bản bắt giữ 14 công dân Trung Quốc có ý định đổ bộ lên một hòn đảo thuộc quần đảo Điếu Ngư/Senkaku để khẳng định chủ quyền của Trung Quốc, từ đó kích động các cuộc biểu tình chống Nhật Bản trên cả nước Trung Quốc và một loạt hoạt động thể hiện sức mạnh hải quân của cả hai bên ở các vùng biển tranh chấp.

Ngoại giao khu vực cũng ngày càng trở nên căng thẳng trong thời gian gần đây do các tranh chấp hàng hải và các cuộc đụng độ quân sự kèm theo. Tháng 7/2012, tại hội nghị hàng năm của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), lần đầu tiên trong lịch sử 45 năm của tổ chức này các nhà lãnh đạo hiệp hội đã không thể ra được một thông cáo chung. Chính Campuchia, chủ tịch luân phiên và là đồng minh tin cậy của Trung Quốc, đã ngăn chặn sự đồng thuận và không ủng hộ một số từ ngữ trong "bộ quy tắc ứng xử" nhằm giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông. Hai tháng sau, khi Ngoại trưởng Mỹ Hillary Rodham Clinton đến thăm Bắc Kinh nhằm thúc đẩy các cuộc đàm phán về các tranh chấp, báo chí Trung Quốc đồng loạt chỉ trích gay gắt bà và các quan chức Trung Quốc không nhượng bộ bất cứ đề nghị nào của bà Clinton. Cuối năm 2012 tình hình càng xấu hơn. Ngày 1/12, các quan chức ở tỉnh Hải Nam - nơi quản lý các đảo mà Trung Quốc tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông, công bố một chính sách mới: hiện nay các tàu chiến Trung Quốc sẽ được trao quyền ngăn chặn, tìm kiếm, hoặc đẩy lùi các tàu nước ngoài thâm nhập hoặc bị nghi ngờ tiến hành các hoạt động trái phép ở các vùng biển Trung Quốc tuyên bố chủ quyền. Động thái này trùng hợp với sự gia tăng quy mô và tần suất của việc triển khai hải quân Trung Quốc trong khu vực tranh chấp.

Ngày 13/12, Nhật Bản điều động máy bay chiến đấu F-15 xua đuổi một máy bay hải giám của Trung Quốc hoạt động trong không phận gần quần đảo Điếu Ngư/Senkaku. Đáng lo ngại, ngày 8/1 bốn tàu trinh sát của Trung Quốc thâm nhập các vùng biển do Nhật Bản kiểm soát trong 13 giờ. Sau đó 2 ngày, máy bay chiến đấu của Nhật Bản lại cất cánh khi một máy bay

trình sát của Trung Quốc xâm nhập không phận quần đảo này. Sau đó các máy bay chiến đấu của Trung Quốc đuổi theo. Rõ ràng Trung Quốc không có ý định lùi bước mà ngược lại, họ sẽ tăng cường triển khai không quân và hải quân trong khu vực biển tranh chấp đúng như Nhật Bản đang làm.

Hiện nay một số nhân tố dường như đang làm tăng nguy cơ đối đầu, trong đó có sự thay đổi lãnh đạo ở Trung Quốc, Nhật Bản và đánh giá lại địa chính trị của Chính phủ Mỹ.

Tại Trung Quốc, đội ngũ lãnh đạo mới đang chú trọng sức mạnh quân sự và hành động quyết đoán quốc gia. Sau khi trở thành nhà lãnh đạo cao nhất của Đảng, ông Tập Cận Bình đã vài lần đến thăm các đơn vị quân đội nhằm thể hiện quyết tâm của Đảng và Chính quyền trong việc tăng cường khả năng và uy tín của lực lượng lục quân, không quân và hải quân Trung Quốc. Ông Tập Cận Bình khẳng định Trung Quốc phải đóng vai trò mạnh mẽ và quyết đoán hơn trong khu vực và thế giới. Ví dụ trong bài phát biểu trước các binh sĩ ở thành phố Huệ Châu, ông nói về "giấc mơ" trẻ hóa đất nước như sau: "Giấc mơ này có thể là một giấc mơ của một quốc gia hùng mạnh và đó là giấc mơ về một quân đội mạnh". Đáng chú ý, ông sử dụng chuyến đi này để đến thăm tàu khu trục Hải Khẩu mới được bàn giao cho Hạm đội Nam Hải chịu trách nhiệm tuần tra các khu vực tranh chấp ở Biển Đông.

Tại Nhật Bản, ê kíp lãnh đạo mới cũng đang chú trọng sức mạnh quân sự và sự quyết đoán quốc gia. Ngày 16/12, ông Shinzo Abe trở lại cương vị Thủ tướng Nhật Bản. Trong những tuần đầu tiên trên cương vị Thủ tướng, ông Abe công bố các kế hoạch tăng chi tiêu quân sự và xem xét lời xin lỗi chính thức của một cựu quan chức chính phủ đối với các phụ nữ bị bắt làm nô lệ tình dục của quân đội Nhật Bản trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai. Những động thái này chắc chắn dễ làm hài lòng các nhân vật cánh hữu Nhật Bản, nhưng nhất định kích động tình cảm chống Nhật Bản ở Trung Quốc, Hàn Quốc, và các nước khác mà Nhật Bản chiếm đóng trước đây. Đáng lo ngại hơn, Thủ tướng Abe nhanh chóng đàm phán một thỏa thuận với Philippin nhằm hợp tác lớn hơn về "tăng cường an ninh hàng hải" ở Tây Thái Bình Dương, một động thái nhằm chống lại sự quyết đoán ngày càng tăng của Trung Quốc trong khu vực. Chắc chắn thỏa thuận này sẽ gây phản ứng gay gắt từ Trung Quốc và do Mỹ có các hiệp ước phòng thủ chung với cả hai nước, thỏa thuận cũng sẽ làm tăng nguy cơ can dự của Mỹ trong các cuộc đụng độ tương lai trên biển.

Tại Mỹ, các quan chức cấp cao đang tranh luận việc thực hiện chính sách trở lại châu Á-Thái Bình Dương được Tổng thống Obama tuyên bố trong một bài phát biểu trước Quốc hội Ôxtrâyliia cách đây gần một năm. Obama cam kết triển khai thêm lực lượng Mỹ trong khu vực. Mặc dù ông không bao giờ tuyên bố phương pháp tiếp cận của mình nhằm ngăn chặn

sự phát triển của Trung Quốc, nhưng một số nhà quan sát cho rằng chính sách "ngăn chặn" đã trở lại Thái Bình Dương. Thực tế quân đội Mỹ đã thực hiện những biện pháp đầu tiên theo xu hướng này bằng cách tuyên bố: năm 2017, tất cả 3 loại máy bay tàng hình của không quân Mỹ (F-22, F-35 và B-2), sẽ được triển khai tại các căn cứ tương đối gần Trung Quốc và năm 2020, 60% lực lượng hải quân Mỹ sẽ triển khai ở Thái Bình Dương (cao hơn so 50% hiện nay). Nhưng cuộc khủng hoảng ngân sách của Mỹ khiến nhiều nhà phân tích đặt câu hỏi liệu Lầu Năm Góc có khả năng thật sự thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quân sự của chiến lược trở lại châu Á không. Một nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế (CSIS), theo chỉ thị của Quốc hội Mỹ, được công bố mùa Hè năm ngoái, kết luận rằng Bộ Quốc phòng Mỹ “không đề cập rõ ràng chiến lược và kế hoạch về sức mạnh lực lượng của họ ở châu Á-Thái Bình Dương và cũng không liên kết chiến lược với các nguồn để phản ánh các thực tiễn ngân sách hiện nay”. Ngược lại, chiến lược đã thúc đẩy các nhân vật điều hâu trong quân đội thúc ép chính quyền chi tiêu nhiều hơn cho các lực lượng Thái Bình Dương và đóng vai trò mạnh mẽ hơn trong việc chống thái độ “bất nạt” của Trung Quốc ở biển Hoa Đông và Biển Đông. Như cựu Bộ trưởng Hải quân và cũng là cựu Thượng nghị sĩ James Webb cho biết, các nước đồng minh châu Á của Mỹ đang chờ đợi xem Mỹ có làm sống lại vai trò cần thiết và là nhân tố thực sự bảo đảm sự ổn định ở khu vực Đông Á không, hay liệu khu vực này một lần nữa sẽ bị thống trị bởi tình trạng gây chiến và đe dọa của Trung Quốc không. Mặc dù Chính phủ Mỹ phản ứng trước những lời chế nhạo đó bằng cách tái khẳng định cam kết tăng cường lực lượng ở Thái Bình Dương, nhưng điều này không ngăn nổi các đề nghị Oasinhton cần có quan điểm cứng rắn hơn. Ông Obama bị dư luận chỉ trích vì không mang lại sự ủng hộ đầy đủ cho Israen trong cuộc chiến chống Iran về các loại vũ khí hạt nhân và chắc chắn ông sẽ đối mặt với áp lực lớn hơn để hỗ trợ các đồng minh của Mỹ ở châu Á - nơi họ đang bị quân đội Trung Quốc đe dọa.

Kết hợp 3 tiến triển trên, chúng ta có thể tạo nên một thùng thuốc súng và ít nhất nó sẽ gây nguy hiểm cho nền kinh tế toàn cầu như cuộc đối đầu của Mỹ với Iran . Hiện nay khi căng thẳng ngày càng gia tăng, tình huống xấu nhất có thể xảy ra là: một cuộc nổ súng bất ngờ và gây thiệt hại về người hay nếu một tàu chiến hoặc một máy bay bị bắn cháy, thì ngay lập tức thùng thuốc súng sẽ bùng nổ. Rõ ràng sự cố như vậy có thể xảy ra bất cứ lúc nào ở Biển Đông và biển Hoa Đông. Bởi vì báo chí Nhật Bản cho biết các quan chức chính phủ sẵn sàng cho phép các phi công lái máy bay chiến đấu bắn cảnh báo máy bay Trung Quốc xâm nhập không phận quần đảo Điếu Ngư/Senkaku. Trong khi đó một vị tướng Trung Quốc tuyên bố hành động như vậy sẽ bị coi là bắt đầu một “cuộc chiến thực sự”. Nhưng nếu các nhà lãnh đạo Trung Quốc, Nhật Bản và Mỹ áp dụng các biện pháp hợp lý để xoa dịu các tuyên bố hiếu chiến và dân tộc chủ nghĩa cực đoan và bắt đầu đàm phán với nhau để tìm kiếm giải pháp cho các tranh chấp, thì cuộc khủng hoảng đó có thể được ngăn chặn. Trái lại, các tranh chấp

nhỏ đó ở Thái Bình Dương sẽ tiến triển vượt ra khỏi tầm kiểm soát, lúc đó không chỉ những nước trực tiếp can dự mà toàn bộ hành tinh sẽ chứng kiến nỗi buồn và sự hoảng sợ trước thất bại của tất cả các nước liên quan.

Michael T. Klare, giáo sư của Khoa Nghiên cứu Hòa bình và An ninh Thế giới thuộc Đại học Hampshire của Mỹ. Bài viết được đăng trên ***Tom Dispatch***.

Trần Quang (gt)